

【Mẫu nhập】Lệnh hòa 6(năm 2024) Mẫu đơn 1 Đơn xác nhận (Mặt sau)

様式第1号(第6条関係)

915-8530

越前市府中一丁目13番7号

越前 太郎 様

Điền đối tượng nhận
trợ cấp là chủ hộ.

発行日

越前市長 山田 賢一

Màu đỏ: Nhất định điền khung màu đỏ
Màu xanh: Dựa vào từng trường hợp
Xanh lá cây: Mục giải thích.

越前市令和6年度物価高対策支援給付金

貴世帯は、令和6年度の住民税課税状況に基づき、基準日(令和6年12月1日)に本給付金の支給対象に該当するため、支給見込額をお知らせします。以下の内容を確認して、令和7年6月30日(月)までに、本書を返送(申請)してください。

支給先口座	〇〇銀行〇〇支店 普通 ****4567 エイゼン 知ウ
支給見込額	7万円(世帯3万円+こども加算(児童1人あたり2万円加算))

Trợ cấp sẽ được trả vào
Tài khoản này.

・ Điền vào tài khoản thanh toán trợ cấp gần đây nhất.※
※ Điền 4 chữ số cuối của số tài khoản.
・ Trường hợp nếu không có vui lòng để trống phần trên. Nếu trường trống, Vui lòng chỉ định tài khoản nhận mặt sau.○

Số tiền ước tính trả 30 ngàn yên cho mỗi hộ cộng số trẻ em đủ điều kiện trong hộ gia đình là 20 ngàn yên. Số tiền trợ cấp cho trẻ em sẽ được xác định sau khi xác nhận trẻ cùng sinh hoạt. Vui lòng xác nhận số tiền cuối cùng kèm theo thông báo chuyển khoản.

(1) 世帯状況の確認欄(以下の項目を確認し、チェック欄にレ点を入れてください)

☒	Đối với hộ gia đình chúng tôi không có ai nộp thuế thị dân.
☒	Hộ gia đình tôi không phải là hộ mà là tất cả các thành viên trong hộ đều nhận được sự hỗ trợ từ người thân bị áp dụng thuế cư trú năm 2024(hộ chỉ có người phụ thuộc)
☒	Đối với hộ gia đình chúng tôi, không có thành viên nào nhận gói trợ cấp như trên ở các thành phố khác

Trường hợp chủ hộ từ chối nhận gói trợ cấp này

Nếu bạn từ chối nhận trợ cấp này vui lòng đánh dấu「X」và gửi trả lại đơn.○

※ 上記の全てに該当する場合は限り、支給対象として給付金が受け取れます。

※ 受給 **Điền mục ①** してください。【私の世帯は本給付金を受給しません ☐】

Vui lòng xác nhận toàn bộ các mục trên rồi đánh dấu V vào các ô.

(2) こども加算対象となる児童(令和6年4月2日生まれ以降)の児童であることを確認して、生計同一確認欄にレ点を入れてください。

No.	加算対象となる 児童氏名	生計同一 確認欄	No.	加算対象となる 児童氏名	生計同一 確認欄
1	越前 都	☒	2	越前 紫	☒
3	基準日時点で、世帯内のこども加算対象となる児童を記載しています。				☐
5	※「基準日の翌日以降に生まれた児童」または「世帯外だが学生寮等に入居し、現に扶養している児童」に				☐
7	いる場合は、別途、申請書（様式第2号）での申請により、追加でこども加算を受け取ることができます。				☐

Chỉ nhập những hộ gia đình có trẻ em đủ điều kiện

・Vui lòng xác nhận trẻ có cùng sinh kế và kiểm tra cột "Xác nhận cùng sinh kế".
・Chỉ có trẻ có dấu V mới đủ điều kiện kèm thêm trẻ em.

※ 生計同一確認欄にレ点がある児童に限り、1人当たり2万円のこども加算を支給します。

※ こども加算の受給辞退は、右欄にX印を記入し返送してください。【私の世帯はこども加算を受給しません ☐】

Chỉ điền vào nếu bạn Từ chối cộng trẻ

Trường hợp nếu bạn từ chối cộng thêm trẻ điền「X」 gửi trả lại.○

上記(1)及び(2)の記入内容に間違いがないことを確認しました。

Tên chủ hộ	越前 太郎	Ngày xác nhận	令和 7 年 〇 月 〇 日	Số điện thoại	0*0-1234-5678
------------	-------	---------------	----------------	---------------	---------------

Điền mục ②

・Người nhận là tên của chủ hộ(điền trên cùng).
・Lấy ngày điền làm ngày xác nhận.
・Nhập số điện thoại có thể liên lạc trong ngày với bạn.

【Ví dụ nhập】Lịch hòa 6(Năm 2024) Đơn xác nhận mẫu 1 (Mặt sau)

Chỉ điền nếu trường hợp "Tài khoản thanh toán" ở trang đầu trống ..hoặc bạn muốn thay đổi tài khoản chuyển khoản

※Mặt trước「Tài khoản thanh toán」Vui lòng không điền vào tài khoản chuyển khoản nếu như tài khoản không thay đổi

- ①Chọn tài khoản ⇒Nhập thông tin tài khoản chuyển khoản. Đính kèm giấy tờ「Xác nhận danh tính」và 「xác nhận tài khoản」。
②Tài khoản chỉ định ⇒ đánh dấu vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký với thành phố.Đính kèm giấy tờ「Xác nhận danh tính」。
③Chọn tài khoản ⇒Xác nhận rằng bạn có tài khoản để nhận tiền công.Vui lòng đính kèm 「Xác nhận danh tính」。

- ☒ ① 世帯主名義の他の口座 【必要書類:本人確認書】
※ 振込口座記入欄に指定する口座をご記入ください。
☐ ② 本市で現に使用している世帯主名義の口座
次の(A)～(C)のうち、希望する口座にレ点を入れください。
☐ (A)水道料引落口座 ☐ (B)住民税等の引落口座
※ 記入(レ点)により税部局等への口座照会を行います。
☐ ③ 世帯主名義の公金受取口座 【必要書類:本人確認書、マイナポータル等から公金受取口座の指定が完了していること】 ※長期間入出金のない口座を記入しないでください。

希望する口座にレ点

【Xác nhận chủ nhân】(Một trong những điểm sau)
Thẻ MSCN(Mặt sau), Bảng lái, hộ chiếu, thẻ BH
※Không sử dụng thông báo MSCN

【Xác nhận tài khoản】

Số và thẻ ngân hàng
(Tên ngân hàng, Tên chi nhánh, Số tài khoản, trang có ghi tên katakana
※Trường hợp không rõ tên ngân hàng, tên chi nhánh chúng tôi không thể chuyển khoản được。

金融機関名	支店名	分類	口座番号 ※右詰め記入	口座名義 (カナ)
△△銀行	△△支店	1 普通 2 当座	4567123	エチゼン タロウ
金融機関番号 00**	店番号 00**			
ゆうちょ銀行	通帳記号 6桁目がある場合は ※欄に記入	通帳番号 ※右詰め記入		口座名義 (カナ)
通帳またはキャッシュカードに記載された記号・番号をご記入下さい。	1 0 ※			

■ この欄は世帯主に代わって代理人が確認・受給を行う場合にのみ記入してください。

フリガナ 代理人氏名	世帯主 との関係	代理人 生年月日	代理人住所
エチゼン キクコ 越前 菊子	妻	昭和50 年 6 月 1 日	越前市府中一丁目13-7 電話番号 0*0 (5678) 1234
上記の者を代理人と認め、 本給付金の (確認・請求 受給 確認・請求及び受給) を委任します。 ←法定代理の場合は、 委任方法の選択は不要です。	世帯主 氏名	署名又は記名押印 越前 太郎 (印)	

Trường hợp có tên chủ hộ, có thể lược bỏ con dấu。

Xác nhận,yêu cầu : Khi ủy quyền thay mặt nộp đơn thay mặt chủ hộ nhưng chủ hộ vẫn là người nhận trợ cấp
Biên nhận : Khi chủ hộ nộp đơn nhưng người ủy quyền nhận trợ cấp thay mặt chủ hộ
Xác nhận,yêu ccafu và biên nhận : Khi người được ủy quyền xử lý mọi việc từ đơn đăng ký đến biên nhận thay mặt chủ hộ

Chỉ điền khi xác nhận /nhận trợ cấp thay mặt chủ hộ đủ điều kiện nhận trợ cấp

●Theo nguyên tắc,những người sau đây đủ điều kiện thay mặt chủ hộ đại diện nhận trợ cấp。

①Thành viên trong hộ ②Người thân ③Người đại diện hợp pháp(Người giám hộ là người lớn, Người giám hộ,người đại diện được ủy quyền)

●Các giấy tờ bổ sung khi xác nhận đủ điều kiện nhận trợ cấp thay mặt chủ hộ

Vui lòng đính kèm giấy tờ tùy thân của 「Chủ hộ」và「Người đại diện」。

※Người giám hộ trưởng thành có thể xác nhận bằng giấy chứng nhận thông tin đã đăng ký trên hệ thống đăng ký người giám hộ có thể nộp một bản sao thay cho việc điền vào vào trường ủy quyền。

※Nếu có thể xác nhận người đó là người phụ trách,trợ lý dựa trên giấy chứng nhận thông tin đã đăng ký trên hệ thống đăng ký quyền giám hộ của người lớn,và có thể được xác nhận từ danh sách ủy quyền rằng người đó đã được cấp giấy đại diện về việc nhận trợ cấp công cộng,một bản sao của giấy chứng nhận bạn có thể điền vào cột ủy quyền bằng cách gửi mẫu.。